

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/DS-ST.
Ngày: 10/9/2025
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do
người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thanh Vũ

Ông Bùi Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc " Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 101/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần C, sinh ngày 01/01/1962 (Có mặt)

Số căn cước công dân: 094162003480, ngày cấp 20/08/2021

Địa chỉ: ấp M, phường MQ, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn U, sinh ngày 07/12/1984 (vắng mặt) và bà Phạm D, sinh ngày 25/11/1999 (Có mặt), theo văn bản ủy quyền lập ngày 22/8/2024

Cùng địa chỉ liên hệ: Khóm C, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh S, sinh ngày 01/01/1972 (vắng mặt)

Số căn cước công dân 094071008739; CMND 365020228

2. Chị Huỳnh Y, sinh ngày 08/3/1992 (vắng mặt)

Số căn cước công dân 094192010304; CMND 365860499

3. Anh Huỳnh N, sinh ngày 22/02/2006 (vắng mặt)

Số căn cước công dân 094206002766

Cùng địa chỉ: ấp M, phường MQ, thành phố Cần Thơ.

4. Chị Huỳnh T, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 19/8/2024, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm d trình bày:

Nguyên vào năm 2018, bà Trần C có làm chủ hội, có nhiều người tham gia chơi hội trong đó có bà Trần Đ (đã chết) tham gia hội của bà C nhiều dây hội, cụ thể như sau:

Dây hội 01: Hội 5.000.000 đồng, hội mùa, khai ngày 11/02/2018 âm lịch, bốn tháng khai một lần, hội này có 21 phần, bà Đ tham gia 01 phần, hội đến tháng 11/2024 là mãn, dây hội này bà Đ đã hốt hội, bà C đã giao đủ tiền hội cho bà Đ.

Dây hội 02: Hội 1.000.000 đồng, hội tháng, khai ngày 29/7/2018 âm lịch, bốn tháng khai một lần, hội này có 32 phần, bà Đ tham gia 02 phần, dây hội này đã mãn, bà Đ cũng đã hốt cả 02 phần hội, bà C đã giao đủ tiền hội cho bà Đ.

Dây hội 03: Hội 500.000 đồng, hội tháng, khai ngày 21/02/2020 âm lịch, bốn tháng khai một lần, hội này có 34 phần, bà Đ tham gia 02 phần, dây hội này đã mãn, bà Đ cũng đã hốt cả 02 phần hội, bà C đã giao đủ tiền hội cho bà Đ.

Sau khi hốt hội xong cả ba dây hội, bà Đ không có đóng lại hội chết cho bà C, bà có liên hệ bà Đ để đòi tiền hội chết thì bà Đ hứa hẹn sẽ trả nhưng sau đó bà Đ chết. Rồi bà Cam có đến nhà liên hệ với chồng và con của bà Đ để đòi tiền hội, gặp được ông Huỳnh S và chồng bà Đ cùng hai người con là Huỳnh Y, Huỳnh N, do khi bà Đ tham gia hội có con bà Đ tên Y biết, Y cũng có nhiều lần đóng tiền hội cho bà C, nên ngày 09/7/2023 bà C và Y đã có chốt lại tổng số tiền hội mà bà Đ còn nợ bà C là 121.000.000 đồng, Y tự ghi vào sổ của bà Đ. Rồi sau đó Y chỉ có trả cho bà C được số tiền 2.000.000 đồng không trả nữa. Rồi đến ngày 04/9/2023 bà C cùng với con trai, một người cháu, đến nhà của ông S thì gặp ông S, Y, N có làm biên nhận ngày 04/9/2023 bà Huỳnh Y đứng ra hứa trả tiền cho bà C số tiền hội bà Đ đã tham gia là 119.000.000 đồng, ông S cũng có mặt nhưng ông S nói để cho Y toàn quyền quyết định, Y hứa có sớm trả sớm trong vòng tháng 10 đến tháng 12 năm 2023 sẽ trả đủ vì gia đình ông S đang chuẩn bị bán đất, nói bán đất xong là gửi tiền một lần cho bà C. Nhưng sau đó lại không trả. Y tự nguyện ký vào biên nhận ngày 04/9/2023 chứ bà không có mượn giàng hồ lại nhà Y bắt ép Y ký biên nhận như Y nói, số tiền hội là do Y tự tính toán tiền hội rồi ghi biên nhận cho bà C.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn bà

Trần C yêu cầu buộc ông Huỳnh S cùng những người con gồm Huỳnh Y, Huỳnh N, Huỳnh T là những người thừa kế của bà Trần Đ (đã chết) có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần C số tiền nợ hụi là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín nghìn đồng).

2/ Bị đơn chị Huỳnh Y có những ý kiến trình bày như sau:

Tại biên bản hòa giải lập ngày 24/12/2024 giữa bà Trần C và chị Huỳnh Y, chị Y trình bày: Chị có nhận nợ cho mẹ chị - bà Trần Đ đã chết ngày 09/9/2021 số tiền hụi của bà C là 119.000.000 đồng đúng như tờ biên nhận ngày 04/9/2023. Chị đồng ý trả số tiền 119.000.000 đồng cho bà C nhưng do hiện nay khó khăn không thể trả ngay được xin mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Bà C không đồng ý thì chị không trả và xin chuyển hồ sơ cho công an để điều tra về số tiền hụi có chính xác là 119.000.000 đồng không và điều tra về hành vi bà C đã nhiều lần kéo người đến hăm dọa gia đình chị.

Tại tờ tường trình lập ngày 26/12/2024 chị Y trình bày: Vào khoảng 11 giờ ngày 04/9/2023 bà Trần C cùng con trai tên G có lại nhà chị bắt chị ghi giấy nợ hên ngày trả tiền hụi cho bà C, và đòi tính thêm tiền lãi, chị Y mới nói là để lai chị đánh máy nhờ người in ra, còn phần tiền lãi thì chị không biết, muốn gì cứ tính với Ba của chị. Tiền hụi này là do mẹ chị - bà Trần Đ với bà Trần C giao dịch chứ chị không có liên quan gì, vì mẹ chị đã chết trong đợt dịch Covid vừa qua nên chị là người biết điều, biết chuyện nên đứng ra trả thay và chốt số tiền nhưng mẹ con bà C không chịu bắt chị từ đây tới tết của năm 2023 chị phải trả hết tổng số tiền 119.000.000 đồng, biết không làm gì được chị nên mẹ con bà C về nhà, tầm khoảng 15h30p cùng ngày, lúc chị đang nằm nghỉ tại nhà cùng em trai Huỳnh N và con trai của chị bỗng nhiên có đám thanh niên lạ mặt 5 người xông vào nhà chị trong đó có H là con trai bà C, bà C dẫn đám thanh niên lạ mặt 5 người vào nhà chị. Chị không rõ họ tên, mặt mũi đám thanh niên này, chúng nói chuyện với cách thức giang hồ đòi nợ mướn, kiểu cách hăm dọa bắt ép chị phải ký giấy nhận nợ và cam kết trả từ đây đến tết năm 2023 phải trả cho bà C dứt điểm số tiền trên, vì chị là phụ nữ, thân cô, một mình ở nhà, chồng đi công tác xa, em trai và con trai còn quá nhỏ, chị quá sợ hãi nên đành ký giấy chấp nhận như những gì chúng yêu cầu, cho họ ra về để bảo vệ tính mạng của cả nhà chị, do mấy người xông vô nhà chị bịt mặt hết nên chị không chụp lại rõ hình ảnh mặt mũi của từng người. Lần thứ hai vào khoảng 11 giờ, ngày 03/10/2023 bà C tiếp tục dẫn thêm ba thanh niên lạ mặt tới nhà bà quấy rối, đem giấy ký nhận nợ hụi mà trước đó họ đã ép chị ký giấy nợ, lại nhà đòi chị phải trả tiền, lúc đó chị có gọi lên công an xã báo, tầm khoảng 13 giờ sau phó công an xã là anh T nay đã chuyển công tác đi nơi khác, anh T xuống không dàn xếp được sự việc mà chỉ nói rằng: tôi bận rất nhiều việc chứ không rảnh mà xuống giải quyết mấy chuyện này, tôi tính đau đánh lộn hay xảy ra xô xát giữ lăm nên chị mới xuống, muốn gì thì làm đơn ra tòa mà thưa kiện, lúc đó bà C mới chịu ra về. Chị Y yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tòa án thị xã Ngã Năm hủy tờ biên nhận nợ có chữ ký của chị vì chị không tự nguyện mà bị ép ký; chị cũng không đi vay nợ gì của bà C mà là tiền hụi của mẹ chị - bà Trần Đ.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 12/5/2025 chị Y trình bày: Bà C cung cấp một tờ giấy ca rô có ghi nội dung “Chốt tổng tính từ ngày 29/8/2020 đến ngày 09/7/2023 tổng là 121.000.000 đồng” do chị viết và ký tên nhưng bà C kêu chị ghi sau thì chị ghi vậy cho qua chuyện vì lúc này mẹ chị mới chết không bao lâu, chứ thật chất tiền hụi mẹ chị tham gia từ bà C như thế nào chị không biết rõ. Số tiền 119.000.000 đồng theo như chị biết là tiền hụi.

3/ Các bị đơn ông Huỳnh S, anh Huỳnh N, chị Huỳnh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có lời trình bày gửi đến Tòa án.

4/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia phiên tòa đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần C. Buộc các bị đơn ông Huỳnh S, chị Huỳnh Y, anh Huỳnh N, chị Huỳnh T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần C số tiền nợ hụi 119.000.000 đồng trong phạm vi di sản mà bà Trần Đ chết để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại các phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vắng mặt đương sự: Các bị đơn ông Huỳnh S, chị Huỳnh Y, anh Huỳnh N, chị Huỳnh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần C yêu cầu các bị đơn ông Huỳnh S, chị Huỳnh Y, anh Huỳnh N, chị Huỳnh T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi cho bà C là 119.000.000 đồng. Bị đơn chị Huỳnh Y thừa nhận số tiền 119.000.000 đồng theo chị biết là tiền mẹ chị bà Trần Đ thiếu bà C tiền hụi nhưng chị không xác định chính xác đúng số tiền này không; Các bị đơn ông S, anh N, chị T không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Nguyên đơn bà C có cung cấp cho Tòa án một tờ giấy ca rô có ghi nội dung “Chốt tổng tính từ ngày 29/8/2020 đến ngày 09/7/2023 tổng là

121.000.000 đồng” chị Y thừa nhận do chị viết và ký tên, bà C đọc sao thì chị ghi vậy cho qua chuyện vì mẹ chị mới chết không bao lâu; Ngoài ra, nguyên đơn bà C cung cấp tờ biên nhận lập ngày 04/9/2023 có nội dung “*tôi tên Huỳnh Y, sn 08/03/1992 số cccd 094192010304 con của bà Trần Đ - ấp M- xã MQ – Thị xã N – Tỉnh S Tôi có đứng ra trả tiền huộc của bà Trần C hiện tại là 119.000.000 (một trăm mười chín triệu Hứa có sớm trả sớm trong vòng tháng 10 đến tháng 12 sẽ trả đủ số tiền 119.000.000 (một trăm mười chín triệu) có ký tên và ghi họ tên Huỳnh Y*”. Quá trình tố tụng bị đơn chị Y cho rằng biên nhận thừa nhận số tiền nợ hui 119.000.000 đồng do chị ký vì chị đứng ra trả nợ hui do mẹ chị bà Trần Đ, nhưng do bà C bắt ép chị ký, việc bà C bắt ép chị ký không có gì để chứng minh, bà C không thừa nhận có bắt ép chị ký biên nhận. Quá trình tố tụng tại biên bản hòa giải lập ngày 24/12/2024 chị Y cũng thừa nhận mẹ chị - bà Trần Đ còn nợ bà C số tiền hui là 119.000.000 đồng, chị Y yêu cầu tự chị chịu trách nhiệm trả nợ cho bà C, không đồng ý đưa cha chị là ông S và hai đứa em N và T vào cùng có trách nhiệm. Mặc dù chị Y trình bày không biết được số tiền hui 119.000.000 đồng là chính xác hay không nhưng với những phân tích nêu trên nhận thấy chị Y và gia đình chị đều biết khi còn sống bà Trần Đ có tham gia hui của bà C, còn nợ bà C số tiền hui chưa trả là 119.000.000 đồng. Bà Trần Đ đã chết ngày 09/9/2021. Căn cứ Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại quy định: “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại,...*”. Theo công văn số 160/CNNN ngày 27/5/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã N, tỉnh S cung cấp thông tin ông Huỳnh S, sinh năm 1971 có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 36, diện tích 384,2m² đất trồng cây lâu năm và thửa số 950, diện tích 1.270,7m², đất trồng lúa. Như vậy khi bà Đ chết vẫn chưa phân chia di sản thừa kế. Nên bà C khởi kiện các đồng thừa kế của bà Trần Đ gồm chồng là ông S cùng ba người con là chị Y, anh N, chị T cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người chết (bà Đ) để lại trong phạm vi di sản của bà Định để trả số tiền nợ hui là phù hợp quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà Trần C không phải chịu án phí và nguyên đơn bà C thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét. Còn các bị đơn ông S, chị Y, chị T, anh N cùng có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu 119.000.000đồng x 5% = 5.950.000 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần C về việc yêu cầu các bị đơn ông Huỳnh S, chị Huỳnh Y, anh Huỳnh N, chị Huỳnh T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hui.

2/ Buộc ông Huỳnh S, chị Huỳnh Y, anh Huỳnh N, chị Huỳnh T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần C số tiền nợ hui là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng) trong phạm vi di sản của bà Trần Đ chết để lại.

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần C không phải chịu án phí.

+ Bị đơn ông Huỳnh S, chị Huỳnh Y, anh Huỳnh N, chị Huỳnh T cùng có trách nhiệm liên đới trả phải chịu án phí số tiền 5.950.000 đồng (Năm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực N – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Vàng